TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN T** **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 348/2022/DS-ST
Ngày: 27- 9- 2022
V/v tranh chấp Hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T, THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Ngọc N

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thanh T

2. Ông Nguyễn Anh N

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Mạnh H – Thư ký Tòa án nhân dân quận T, Thành phố H.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận T, Thành phố H tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Diệu H– Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 9 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận T, Thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 179/2022/TLST-DS ngày 24 tháng 5 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 567/2022/QĐXXST-DS ngày 12/8/2022, Quyết định Hoãn phiên tòa số 696/2022/QĐ-HPT ngày 06/9/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP D,

Địa chỉ trụ sở: 130 Ph, Phường X, quận P, Thành phố H,

Địa chỉ liên lạc: 763 T, phường T, quận T, Thành phố H,

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đinh Trần Vũ A, sinh năm 19XX,

(có mặt tại phiên tòa);

2. Bị đơn: Ông Võ Thanh T, sinh năm 19XX,

Địa chỉ: 711/5/3/1 L, phường P, quận T, Thành phố H.

(Vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần D do ông Đinh Trần Vũ A là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngân hàng TMCP D – Chi nhánh T – Phòng Giao Dịch T (gọi tắt là Ngân hàng) cho ông Võ Thanh T vay 70.000.000 đồng theo "Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ" số hợp đồng 0124770001T16197, ngày 28/09/2016; lãi suất trong hạn: 7,5%/năm; lãi suất quá hạn: 11,25%/năm; thời hạn vay: 36 tháng, từ 14/10/2016 đến 14/10/2019; số tiền lãi phải trả: 15.750.000 đồng; số kỳ trả góp: 36 kỳ, số tiền gốc và lãi góp mỗi kỳ là 2.415.000 đồng, kỳ cuối 1.225.000 đồng; biện pháp bảo đảm: Tín chấp theo lương.

Ngày 14/10/2016, ông T nhận tiền giải ngân khoản vay 70.000.000 đồng qua tài khoản thẻ ngân hàng. Từ ngày 14/10/2016 đến ngày 14/01/2019 ông T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền gốc là 50.519.190 đồng, số tiền lãi là 14.685.810 đồng. Từ ngày 14/02/2019 ông T ngưng thanh toán tiền nợ theo hợp đồng gồm: gốc 19.480.810 đồng, lãi 1.064.190 đồng. Ngân hàng đã điện thoại, gửi thư nhắc nợ nhiều nhưng ông T vẫn không thanh toán nợ cho Ngân hàng.

Do ông Võ Thanh T vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên từ ngày 14/02/2019 Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số dư nợ vay góp chưa thanh toán sang nợ quá hạn. Tạm tính đến ngày 27/9/2022, ông Võ Thanh T còn nợ các khoản sau:

- Dư nợ gốc: 19.480.810 đồng

- Lãi trong hạn : 1.064.190 đồng

- Lãi quá hạn: 7.231.707 đồng.

Tổng cộng: 27.776.707 đồng.

Ngoài ra, kể từ ngày 27/9/2022, ông T còn thanh toán cho Ngân hàng tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng cho đến kho ông T thanh toán hết nợ gốc cho Ngân hàng.

Yêu cầu ông T thanh toán toàn bộ số nợ trên một lần ngay sau khi bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn bà ông Võ Thanh T đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án như Giấy triệu tập; thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; giấy triệu tập tham gia phiên tòa, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông T đều

vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc vì trở ngại khách quan và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Đinh Trần Vũ A có mặt.

Bị đơn ông Võ Thanh T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T phát biểu quan điểm:

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và hợp đồng tín dụng hai bên ký kết, xác định đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng tín dụng. Do bị đơn cư trú tại quận T nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận T.

- Thời hạn tố tụng: Thời gian chuẩn bị xét xử đúng theo quy định của pháp luật. Về người tham gia tố tụng : Xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng. Về thu thập chứng cứ: Thu thập chứng cứ đúng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án : Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả toàn bộ số tiền vay gốc và lãi theo Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ" số hợp đồng 0124770001T16197, ngày 28/09/2016, số tiền nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tổng cộng là 27.776.707 đồng. Thời hạn thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực lực pháp luật. Căn cứ đơn khởi kiện, hợp đồng tín dụng thẻ, lời trình bày của nguyên đơn, chứng cứ thu thập. Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Tại phiên tòa sở thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa sau khi nghe phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp:

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP D yêu cầu bị đơn ông Võ Thanh T thanh toán khoản tiền nợ tín dụng, Hội đồng xét xử xác định đây là "Tranh chấp về hợp đồng dân sự", cụ thể là tranh chấp Hợp đồng tín dụng, thuộc thẩm quyền

giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo Phiếu yêu cầu xác minh ngày 07/5/2022 của Tòa án nhân dân quận T thì bị đơn ông Võ Thanh T có hộ khẩu thường trú tại nhà số 711/5/3/1 Lũy Bán Bích, phường Phú Thọ Hòa, quận T, Thành phố H nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận T, Thành phố H theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa:

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP D, người đại diện theo ủy quyền ông Đinh Trần Vũ A có mặt tại phiên tòa;

Bị đơn ông Võ Thanh T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định tại các Điều 171, 177, 179, 196, 208, 220, 233 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nhưng ông T đều vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc vì trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc và lãi theo "Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ" số hợp đồng 0124770001T16197, ngày 28/09/2016, tính từ ngày vi phạm 14/02/2019 đến ngày 27/9/2022.

Do bị đơn ông Võ Thanh T không văn bản trình bày có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét; Hội đồng xét xử căn cứ lời trình bày của nguyên đơn và tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ để xem xét giải quyết.

Xét thấy, ngày 28/9/2016, ông Võ Thanh T có ký với Ngân hàng "Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ" số hợp đồng 0124770001T16197, theo đó Ngân hàng đã đồng ý cho ông Võ Thanh T vay 70.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân, ngoài ra, hai bên thỏa thuận trong hợp đồng nội dung sau: lãi suất trong hạn: 7,5%/năm; lãi suất quá hạn: 11,25%/năm; thời hạn vay: 36 tháng, từ 14/10/2016 đến 14/10/2019; số tiền lãi phải trả: 15.750.000 đồng; số kỳ trả góp: 36 kỳ, số tiền gốc và lãi góp mỗi kỳ là 2.415.000 đồng, kỳ cuối 1.225.000 đồng; biện pháp bảo đảm: Tín chấp theo lương.

Như vậy, việc giao kết các hợp đồng này giữa các bên là tự nguyện, nội dung hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã

hội nên phát sinh hiệu lực từ thời điểm giao kết hợp đồng theo quy định tại các Điều 385, 401 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Từ ngày 14/10/2016 đến ngày 14/01/2019 ông T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền gốc là 50.519.190 đồng, số tiền lãi là 14.685.810 đồng. Từ ngày 14/02/2019 ông T ngưng thanh toán gốc và lãi còn nợ theo hợp đồng gồm: gốc 19.480.810 đồng, lãi 1.064.190 đồng. Do ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nên ngày 14/2/2019 Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số dư nợ vay góp chưa thanh toán sang nợ quá hạn là phù hợp nội dung thỏa thuận của hợp đồng. Nay Ngân hàng yêu cầu ông T phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 27/9/2022 như sau: Dư nợ gốc: 19.480.810 đồng; Lãi trong hạn: 1.064.190 đồng; Lãi quá hạn: 7.231.707 đồng, tổng cộng: 27.776.707 đồng là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 và các Điều 91, 95 Luật Các Tổ chức tín dụng năm 2010.

[2.3] Về yêu cầu ông Võ Thanh T còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh trên số dư nợ gốc theo mức lãi suất quy định tại "Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ" số hợp đồng 0124770001T16197, ngày 28/9/2016, tính kể từ ngày 28/9/2022 cho đến ngày ông T trả hết nợ gốc.

Xét tại Hợp đồng tín dụng do hai bên ký kết có thỏa thuận mức lãi suất. Ông T chậm thực hiện nghĩa vụ nên kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử cho đến thi hành án xong, ông T còn phải thanh toán cho Ngân hàng khoản tiền lãi phát sinh của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại hợp đồng là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[2.4] Về thời hạn thanh toán*:* Xét thấy, việc ông T ngưng thanh toán nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng là vi phạm nghĩa vụ, gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng nên Ngân hàng yêu cầu ông T thanh toán hết số tiền nợ một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

[3]Về án phí dân sự sơ thẩm: Do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng TMCP D được chấp nhận nên bị đơn ông Võ Thanh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên toàn bộ số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Hoàn lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP D.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng:

- Các Điều 385, 401, 463, 466 Bộ Luật dân sự năm 2015;

- Các Điều 91, 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Khoản 2 Điều 8, Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần D.

Buộc ông Võ Thanh T có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần D số tiền nợ gốc và lãi theo "Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ" số hợp đồng 0124770001T16197, ngày 28/9/2016, tính đến ngày 27/9/2022 là 27.776.707 đồng (trong đó: Dư nợ gốc: 19.480.810 đồng; Lãi trong hạn: 1.064.190 đồng; Lãi quá hạn: 7.231.707 đồng).

Kể từ ngày 28/9/2022 cho đến thi hành án xong, ông Võ Thanh T còn phải thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần D khoản tiền lãi phát sinh của số tiền gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại "Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ" số hợp đồng 0124770001T16197, ngày 28/9/2016.

- Thời hạn thanh toán: Thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn ông Võ Thanh T phải chịu số tiền là 1.388.835 (một triệu ba trăm tám mươi tám ngàn tám trăm ba mươi lăm) đồng.

Hoàn lại cho nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần D số tiền tạm ứng án phí 513.625 (năm trăm mười ba ngàn sáu trăm hai mươi lăm) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0020698 ngày 13/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T, Thành phố H.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :
- TAND thành phố H;
- VKSND quận T;
- Chi cục THADS quận T;
- Các đương sự ;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Ngọc N